

Bản án số: 35/2021/HS-ST  
Ngày 12-03-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Hồng Thạnh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Xuân**
2. Ông **Phạm Công Gia**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Trần Văn Thượng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông **Trương Hoàng Tuấn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 136/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 14/01/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 44 ngày 10/02/2021, Thông báo thay đổi lịch xét xử số 70/TB-TA ngày 08/3/2021 đối với các bị cáo:

**1/ Nguyễn Bảo D**, sinh ngày 16/5/2000, tại Đồng Nai. Nơi đăng ký thường trú: Ấp PL3, xã PS, huyện TP, tỉnh ĐN. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn D (1961) và bà Nguyễn Thị M (1965); bị cáo chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không. Tạm giữ từ ngày 08/8/2020 đến ngày 14/8/2020; tạm giam đến ngày 28/8/2020 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại (*có mặt*).

**2/ Nguyễn Thị Huyền T (N)**, sinh ngày 01/01/1990, tại Cần Thơ. Nơi đăng ký thường trú: Khu vực PhL1, phường TN, Quận TN, TP CT. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn M (1963) và bà Nguyễn Thị Huyền T (1965); Chồng không rõ; có 01 con sinh năm 2014; tiền sự, tiền án:

Không. Tạm giữ từ ngày 08/8/2020 đến ngày 14/8/2020, tạm giam đến ngày 28/8/2020 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại (*có mặt*).

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị Sao M, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn VTĐ, xã CH, huyện CL, KH.

2. Anh Đặng Ngọc Tr, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 10, xã N P, huyện N H, tỉnh NĐ.

3. Anh Đoàn Minh S, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 10, xã N P, huyện N H, tỉnh NĐ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 20 giờ 00 phút ngày 08/8/2020, tại nhà nghỉ PĐ thuộc ấp PL1, xã PS, huyện TP, tỉnh ĐN do Nguyễn Bảo D quản lý, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thị Huyền T và Nguyễn Thị Sao M có hành vi bán dâm cho Đoàn Minh S và Đặng Ngọc Tr.

Tang vật thu giữ: Thu của D 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng, gắn thuê bao 0345.105.472, số tiền 800.000đ;

Thu giữ của T: 01 điện thoại Nokia loại bàn phím gắn thuê bao số 0932.030.915; 03 bao cao su VIP chưa qua sử dụng.

Ngoài ra còn thu giữ tiền, điện thoại, xe mô tô các loại của M và T.

D và T khai: D là quản lý của nhà nghỉ PĐ. Khoảng 19 giờ ngày 08/8/2020, D điện thoại cho T nói có khách cần mua dâm. T ra gặp anh S, anh Tr thỏa thuận số tiền mua bán dâm là 800.000đ. T gọi điện cho M đến để bán dâm. T đưa cho D cất dùm số tiền 800.000đ và lấy chìa khóa phòng 3 để bán dâm. Một lát sau, M đến và D đưa chìa khóa phòng 10 cho M để bán dâm. Khi đang thực hiện hành vi bán dâm thì bị phát hiện bắt quả tang.

Ngoài lần phạm tội này, D và T còn thừa nhận: Khoảng tháng 03/2020, T đến thuê phòng tại nhà nghỉ PĐ mục đích để ở và đi làm. Đến tháng 06/2020, do cần tiền tiêu xài nên T bắt đầu thực hiện hành vi bán dâm tại nhà nghỉ PĐ. Khi khách đến nhà nghỉ PĐ lưu trú mà có nhu cầu mua dâm thì gặp trực tiếp T hoặc đến quầy lễ tân gặp D, D sẽ gọi T ra gặp khách để thỏa thuận giá bán dâm, trung bình mỗi lần bán dâm là 400.000đ trên một lượt. Sau khi thỏa thuận xong, T sử dụng phòng của nhà nghỉ PĐ để bán dâm, D lấy tiền cho thuê phòng, trung bình giá thuê là 50.000đ một giờ. Trường hợp có 02 khách trở lên, T gọi điện cho M đến nhà nghỉ PĐ để bán dâm cùng T, cứ một lần T giới thiệu khách cho M sẽ được M trả 01 thẻ cào điện thoại trị giá 20.000đ.

Từ tháng 06/2020 đến tháng 8/2020, tại nhà nghỉ PĐ, D thừa nhận 10 lần chứa mại dâm, thu lợi bất chính 500.000đ. T đã 03 lần môi giới cho M bán dâm, thu lợi bất chính là 01 thẻ cào điện thoại trị giá 20.000đ.

Cáo trạng số 130/CT-VKSTP-ĐN ngày 12/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố bị cáo Nguyễn Bảo D về tội: “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Thị Huyền T về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, D thừa nhận mình là người trực tiếp quản lý của nhà nghỉ PĐ, bị cáo T thuê phòng của nhà nghỉ để ở. Khi được T đặt vấn đề cho T bán dâm tại nhà nghỉ thì D đồng ý và thu tiền phòng thuê theo giờ. Khi khách đến nghỉ hỏi mua dâm thì D báo cho T. Từ tháng 06/2020 đến ngày bị bắt, D đã 10 lần chấp nhận cho T sử dụng chỗ ở do mình quản lý để bán dâm. Tổng số tiền D thu từ việc cho thuê phòng là 500.000đ.

Bị cáo T thừa nhận lời trình bày của bị cáo D là đúng. Bị cáo có thời gian dài lưu trú tại nhà nghỉ PĐ nên biết D là người quản lý ở đây. Bị cáo đã nhiều lần bán dâm tại đây với sự đồng ý của bị cáo D. Bị cáo đã 03 lần gọi điện cho M đến nhà nghỉ PĐ để bán dâm. Bị cáo nhận được 01 thẻ cào điện thoại trị giá 20.000đ từ M, thẻ cào này bị cáo đã sử dụng cho riêng mình.

Sau khi phân tích các dấu hiệu phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; đặc điểm nhân thân của từng bị cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 38, điểm c khoản 2 Điều 327, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, 54 đối với bị cáo D; áp dụng Điều 38, điểm d khoản 2 Điều 328, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo T.

Xử phạt bị cáo D từ 02 (Hai) năm tù đến 03 (Ba) năm tù.

Xử phạt T từ 01 (Một) năm tù đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định áp dụng các biện pháp tư pháp, quyết định về án phí sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận cho hành vi của mình, việc xét xử là không oan sai và nói lời sau cùng như sau: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về hoà nhập với cộng đồng và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Thủ tục tố tụng: Hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã được thực hiện đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Hành vi, tính chất, mức độ phạm tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo không cung cấp tài liệu chứng cứ mới và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo tại tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 06/2020 đến tháng 8/2020 tại nhà nghỉ PD, bị cáo D là người có trách nhiệm quản lý, trông coi nhà nghỉ đã sử dụng nơi này cho người khác 10 lần thực hiện hành vi bán dâm. Bị cáo T đã 03 lần gọi điện thoại giới thiệu cho Nguyễn Thị Sao M bán dâm tại nhà nghỉ PD.

Như vậy, hành vi của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327; hành vi của T đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự. Vậy nên Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Tội phạm do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Vì vậy, nhằm để giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, cần thiết phải xét xử và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã gây ra, để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân:

[5.1] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong biên bản làm việc đầu tiên lúc 22 giờ 20 phút ngày 08/8/2020 với cơ quan điều tra bị cáo D đã tự giác khai nhận đã nhiều lần chứa chấp việc bán dâm, trong bản tự khai đầu tiên ngày 08/8/2020 bị cáo T cũng đã tự khai ra các lần bị cáo môi giới cho người khác bán dâm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự thú; ngoài ra còn xem xét các bị cáo có nhận thức pháp luật hạn chế, các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình; đã tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Đặc điểm nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

[6] Hình phạt, căn cứ quyết định hình phạt:

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có ít nhất 02 tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 nên áp dụng hình phạt dưới khung cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có công việc ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Các biện pháp tư pháp:

Sung công quỹ Nhà nước số tiền 800.000đ bị cáo T nhận để bán dâm.

Sung công quỹ Nhà nước số tiền 500.000đ bị cáo D thu từ việc cho thuê phòng.

Tịch thu phát mãi sung công quỹ 01 điện thoại Iphone 6, màu vàng, dung lượng 64Gb, mang thẻ sim 0345.105.472 thuộc quyền sở hữu của bị cáo D.

Tịch thu phát mãi sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia bàn phím, mang thẻ sim 0932.030.915 thuộc quyền sở hữu của bị cáo T.

Tịch thu tiêu hủy 03 bao cao su Vip chưa qua sử dụng.

Buộc bị cáo T phải nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 20.000đ.

Trả lại cho bị cáo D 300.000đ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân, loại hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 2 Điều 327; Điều 38; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D;

- Điểm d khoản 2 Điều 328; Điều 38; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Bảo D phạm tội “Chứa mại dâm”.

Bị cáo Nguyễn Thị Huyền T phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Xử phạt:

Nguyễn Bảo D 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2020 đến ngày 28/8/2020.

Nguyễn Thị Huyền T 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2020 đến ngày 28/8/2020.

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 800.000đ theo biên lai thu số 0003179 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 500.000đ theo biên lai thu số 0003197 ngày 02/3/2021 của Chi cục thi hành án dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Tịch thu phát mãi sung công quỹ 01 điện thoại Iphone 6, màu vàng, dung lượng 64Gb, mang thẻ sim 0345.105.472.

Tịch thu phát mãi sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia bàn phím, mang thẻ sim 0932.030.915.

Tịch thu tiêu hủy 03 bao cao su Vip chưa qua sử dụng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú.

Buộc bị cáo T phải nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 20.000đ.

Trả lại cho Nguyễn Bảo D số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0003197 ngày 02/3/2021 của Chi cục thi hành án dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú;
- Công an nhân dân huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- Người có QL,NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hồng Thạnh**